



CẬP NHẬT QUY ĐỊNH GIAO DỊCH TRÊN HỆ THỐNG KRX

Tháng 04/2025

Agenda

Giao dịch Chứng khoán cơ sở

01

1. Thời gian giao dịch
2. Các quy định chung
3. Các loại lệnh
4. Hiển thị thông tin trên bảng giá
5. Hủy, sửa lệnh
6. Giao dịch thỏa thuận
7. Khớp lệnh sau giờ
8. Giao dịch NĐTNN
9. CK hạn chế giao dịch

Giao dịch Chứng khoán phái sinh

02

1. Thời gian giao dịch
2. Loại lệnh
3. Mã giao dịch
4. Cơ chế quản lý tài khoản
5. Phí, thuế giao dịch



PHẦN I:

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CƠ SỞ

1. THỜI GIAN GIAO DỊCH

GIAO DỊCH LÔ CHẴN

+ GD Khớp lệnh: đơn vị 100, tối đa/lệnh: 500.000
+ GD Thỏa thuận: đơn vị 1, tối thiểu/lệnh: 20.000

GIAO DỊCH LÔ LẺ

+ GD Khớp lệnh: đơn vị 1, tối đa/lệnh: 99
+ GD Thỏa thuận: đơn vị 1, tối đa/lệnh: 99

08:45	09:00	09:15			11:30		13:00		14:30	14:45	15:00
HOSE - Thị trường niêm yết Cổ phiếu, ETF, Chứng quyền (STO)											
					Hiện tại						
	KLĐK mở cửa	Khớp lệnh liên tục I			Nghỉ trưa	Khớp lệnh liên tục II			KLĐK đóng cửa		
Thỏa thuận				Thỏa thuận							
					KRX						
	KLĐK mở cửa	Khớp lệnh liên tục I			Nghỉ trưa	Khớp lệnh liên tục II			KLĐK đóng cửa		
Thỏa thuận				Thỏa thuận			TT sau giờ				
					Hiện tại						
		Khớp lệnh liên tục I			Nghỉ trưa	Khớp lệnh liên tục II					
Thỏa thuận				Thỏa thuận							
					KRX						
	KLĐK mở cửa	Khớp lệnh liên tục I			Nghỉ trưa	Khớp lệnh liên tục II			KLĐK đóng cửa		
Thỏa thuận				Thỏa thuận			TT sau giờ				

Lưu ý: Sau khi hết giờ giao dịch (14h45), các lệnh LO/ATC không khớp KHÔNG được giải tỏa tự động. Khách hàng có nhu cầu giao dịch sau giờ (14h45-15h00) cần liên hệ DVKH yêu cầu giải tỏa lệnh & thực hiện đặt lại lệnh mới.

1. THỜI GIAN GIAO DỊCH

GIAO DỊCH LÔ CHẴN

+ GD Khớp lệnh: đơn vị 100, tối đa/lệnh: 500.000
+ GD Thỏa thuận: đơn vị 1, tối thiểu/lệnh: 5.000

GIAO DỊCH LÔ LẺ

+ GD Khớp lệnh: đơn vị 1, tối đa/lệnh: 99
+ GD Thỏa thuận: đơn vị 1, tối đa/lệnh: 99

08:45	09:00	09:15			11:30		13:00		14:30	14:45	15:00
HNX - Thị trường Niêm yết (STX)											
					Hiện tại						
Khớp lệnh liên tục I					Nghỉ trưa		Khớp lệnh liên tục II		KLĐK đóng cửa	KLLT PLO	
Thỏa thuận							Thỏa thuận				
					KRX						
Khớp lệnh liên tục I					Nghỉ trưa		Khớp lệnh liên tục II		KLĐK đóng cửa	KL sau giờ	
Thỏa thuận							Thỏa thuận			TT sau giờ	
					Hiện tại						
Khớp lệnh liên tục I					Nghỉ trưa		Khớp lệnh liên tục II				
Thỏa thuận							Thỏa thuận				
					KRX						
Khớp lệnh liên tục I					Nghỉ trưa		Khớp lệnh liên tục II		KLĐK đóng cửa	TT sau giờ	
Thỏa thuận							Thỏa thuận				

Lưu ý: Sau khi hết giờ giao dịch (14h45), các lệnh LO/ATC không khớp **không được giải tỏa tự động**. Khách hàng có nhu cầu giao dịch sau giờ (14h45-15h00) cần liên hệ DVKH yêu cầu giải tỏa lệnh & thực hiện đặt lại lệnh mới.

1. THỜI GIAN GIAO DỊCH

GIAO DỊCH LÔ CHẴN

+ GD Khớp lệnh: đơn vị 100
+ GD Thỏa thuận: đơn vị 1,
tối thiểu/lệnh: 100

GIAO DỊCH LÔ LẺ

+ GD Khớp lệnh: đơn vị 1,
tối đa/lệnh: 99
+ GD Thỏa thuận: đơn vị 1,
tối đa/lệnh: 99

08:45	09:00	09:15				11:30			13:00			14:30	14:45	15:00
HNX - Thị trường Upcom (UPX)														
						Hiện tại								
			Khớp lệnh liên tục I			Nghỉ trưa						Khớp lệnh liên tục II		
			Thỏa thuận									Thỏa thuận		
						KRX								
			Khớp lệnh liên tục I			Nghỉ trưa						Khớp lệnh liên tục II		
			Thỏa thuận									Thỏa thuận		
						Hiện tại								
			Khớp lệnh liên tục I			Nghỉ trưa						Khớp lệnh liên tục II		
			Thỏa thuận									Thỏa thuận		
						KRX								
			Khớp lệnh liên tục I			Nghỉ trưa						Khớp lệnh liên tục II		
			Thỏa thuận									Thỏa thuận		

1. THỜI GIAN GIAO DỊCH

GIAO DỊCH THƯỜNG

+ GD Khớp lệnh: đơn vị 100
+ GD Thỏa thuận: đơn vị 1,
tối thiểu/lệnh: 100

08:45	09:00	09:15			11:30		13:00		14:30	14:45	15:00	
HNX - Thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (HCX)												
					Hiện tại							
Khớp lệnh liên tục I					Nghỉ trưa	Khớp lệnh liên tục II		KLĐK đóng cửa				
Thỏa thuận						Thỏa thuận						
					KRX							
Khớp lệnh liên tục I					Nghỉ trưa	Khớp lệnh liên tục II		KLĐK đóng cửa				
Thỏa thuận						Thỏa thuận			TT sau giờ			

Lưu ý: Sau khi hết giờ giao dịch (14h45), các lệnh LO/ATC không khớp **không được giải tỏa tự động**. Khách hàng có nhu cầu giao dịch sau giờ (14h45-15h00) cần liên hệ DVKH yêu cầu giải tỏa lệnh & thực hiện đặt lại lệnh mới.

2. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Các quy định chung về giao dịch tại bảng dưới đây vẫn được giữ nguyên như hiện tại khi golive KRX:

	HOSE	HNX – Niêm yết	HNX - Upcom	HNX - TPDN
1. Đơn vị yết giá	- Khớp lệnh: ➢ CP, CCQ đóng: ✓ Mức giá <10.000: 10đ ✓ Mức giá 10.000 - 49.950: 50đ ✓ Mức giá >=50.000: 100đ ➢ ETF, CW: 10 đồng - Thỏa thuận: 1 đồng	- Khớp lệnh: 100 đồng - Thỏa thuận: 1 đồng	- Khớp lệnh: 100 đồng - Thỏa thuận: 1 đồng	1 đồng
2. Đơn vị giao dịch	- Lô chẵn: 100, tối đa/lệnh: 500.000 - Lô lẻ: 1-99 - Thỏa thuận: 1, tối thiểu/lệnh lô chẵn: 20.000	- Lô chẵn: 100 - Lô lẻ: 1-99 - Thỏa thuận: 1, tối thiểu/lệnh lô chẵn: 5.000	- Lô chẵn: 100 - Lô lẻ: 1-99 - Thỏa thuận: 1, tối thiểu/lệnh lô chẵn: 100	1 trái phiếu
3. Biên độ dao động	± 7%	± 10%	± 10%	Không quy định
4. Loại lệnh	- KLĐK: LO, ATO/ATC - KLLT: LO, MTL	- KLĐK: LO, ATC - KLLT: LO, MAK, MOK, MTL	LO	LO

- Trường hợp giá sàn của CW ≤ 0:

- Về mặt hiển thị: Giá sàn = 0

- Giá sàn đặt lệnh: là đơn vị yết giá nhỏ nhất (1 đồng với giao dịch thỏa thuận; 10 đồng với giao dịch khớp lệnh)

3. QUY ĐỊNH LOẠI LỆNH

	HIỆN TẠI	KRX
1. Loại lệnh	LO, ATO/ATC, MOK, MAK, MTL	Giữ nguyên
2. Lệnh ATO, ATC	Lệnh ATO/ATC được ưu tiên trước LO khi phân bổ khớp	Lệnh ATO/ATC KHÔNG được ưu tiên trước lệnh giới hạn (LO) mua giá trần và lệnh LO bán giá sàn đã nhập vào hệ thống trước đó khi thực hiện so khớp lệnh
3. Lệnh MTL	Nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh LO với mức giá đặt lệnh là giá khớp lệnh gần nhất	Nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh LO với mức giá đặt lệnh là: ▪ giá khớp lệnh gần nhất + 1 bước giá đối với lệnh mua ▪ giá khớp lệnh gần nhất - 1 bước giá đối với lệnh bán

3. VÍ DỤ LỆNH ATO, ATC – Lệnh LO mua giá trần nhập trước lệnh ATO mua

Thứ tự lệnh	Loại lệnh	Mua/Bán	Khối lượng	Giá đặt*
1	LO	Bán	300	41.650
2	LO	Mua	200	41.700
3	LO	Mua	100	41.700
4	ATO	Mua	500	ATO
5	LO	Bán	200	41.550

*Trần: 41.700, TC: 39.000, Sàn: 36.300

Cộng dồn Mua	Bên mua	Giá	Bên bán	Cộng dồn bán
800	(2) - LO - 200 (3) - LO - 100 (4) - ATO - 500	41.700		500
800		41.650	(1) - LO - 300	500
800		41.600		200
800		41.550	(5) - LO - 200	200

--> Khớp lệnh: Giá 41.700, KL 500

Hiện tại: Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh LO

Sổ lệnh khớp		
STT	Lệnh khớp	Khối lượng khớp
1	(4) - (5)	200
2	(4) - (1)	300

Sổ lệnh sau khớp		
Bên mua	Giá	Bên bán
(2) - LO - 200	41.700	
(3) - LO - 100	41.650	
	41.600	
	41.550	

KRX: Lệnh ATO không được ưu tiên trước lệnh LO

Sổ lệnh khớp		
STT	Lệnh khớp	Khối lượng khớp
1	(2) - (5)	200
2	(3) - (1)	100
3	(4) - (1)	200

Sổ lệnh sau khớp		
Bên mua	Giá	Bên bán
(4) - ATO - 300	41.700	
	41.650	
	41.600	
	41.550	

3. VÍ DỤ LỆNH ATO, ATC – Lệnh LO bán giá sàn nhập trước lệnh ATO bán

Thứ tự lệnh	Loại lệnh	Mua/Bán	Khối lượng	Giá đặt*
1	LO	Bán	200	36.300
2	LO	Bán	200	36.500
3	ATO	Bán	500	ATO
4	LO	Mua	100	36.350
5	LO	Mua	200	36.450
6	LO	Mua	100	36.500

*Trần: 41.700, TC: 39.000, Sàn: 36.300

Cộng dồn Mua	Bên mua	Giá	Bên bán	Cộng dồn bán
100	(6) - LO - 100	36.500	(2) - LO - 200	900
300	(5) - LO - 200	36.450		700
300		36.400		700
400	(4) - LO - 100	36.350		700
400		36.300	(1) - LO - 200 (3) - ATO - 500	700

--> Khớp lệnh: Giá 36.300, KL 400

Hiện tại: Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh LO

Sổ lệnh khớp		
STT	Lệnh khớp	Khối lượng khớp
1	(6) - (3)	100
2	(5) - (3)	200
3	(4) - (3)	100

Sổ lệnh sau khớp		
Bên mua	Giá	Bên bán
	36.500	(2) - LO - 200
	36.450	
	36.400	
	36.350	
	36.300	(1) - LO - 200 (3) - ATO - 100

KRX: Lệnh ATO không được ưu tiên trước lệnh LO

Sổ lệnh khớp		
STT	Lệnh khớp	Khối lượng khớp
1	(6) - (1)	100
2	(5) - (1)	100
3	(5) - (3)	100
4	(4) - (3)	100

Sổ lệnh sau khớp		
Bên mua	Giá	Bên bán
	36.500	(2) - LO - 200
	36.450	
	36.400	
	36.350	
	36.300	(3) - ATO - 300

3. VÍ DỤ LỆNH ATO, ATC – Sổ lệnh có cả ATO mua và bán. Lệnh LO mua giá trần nhập trước lệnh ATO mua

Thứ tự lệnh	Loại lệnh	Mua/Bán	Khối lượng	Giá đặt*
1	LO	Mua	500	41.700
2	ATO	Mua	200	ATO
3	ATO	Bán	300	ATO
4	LO	Mua	100	41.600
5	LO	Bán	200	41.650
6	LO	Bán	100	41.550

*Trần: 41.700, TC: 39.000, Sàn: 36.300

Cộng dồn Mua	Bên mua	Giá	Bên bán	Cộng dồn bán
700	(1) - LO - 500 (2) - ATO - 200	41.700		600
700		41.650	(5) - LO - 200	600
800	(4) - LO - 100	41.600		400
800		41.550	(6) - LO - 100	400
800		...		300
800		39.000	(3) - ATO - 300	300

--> Khớp lệnh: Giá 41.700, KL 600

Hiện tại: Lệnh ATO được ưu tiên trước lệnh LO

Sổ lệnh khớp		
STT	Lệnh khớp	Khối lượng khớp
1	(2) - (3)	200
2	(1) - (3)	100
3	(1) - (6)	100
4	(1) - (5)	200

Sổ lệnh sau khớp		
Bên mua	Giá	Bên bán
(1) - LO - 100	41.700	
	41.650	
(4) - LO - 100	41.600	
	41.550	
	...	

KRX: Lệnh ATO không được ưu tiên trước lệnh LO

Sổ lệnh khớp		
STT	Lệnh khớp	Khối lượng khớp
1	(1) - (3)	300
2	(1) - (6)	100
3	(1) - (5)	100
4	(2) - (5)	100

Sổ lệnh sau khớp		
Bên mua	Giá	Bên bán
(2) - ATO - 100	41.700	
	41.650	
(4) - LO - 100	41.600	
	41.550	
	...	

4. HIỂN THỊ THÔNG TIN TRÊN BẢNG GIÁ

NỘI DUNG	HỆ THỐNG HIỆN TẠI	HỆ THỐNG MỚI
Phiên khớp lệnh liên tục	- Hiển thị Giá khớp, Khối lượng khớp hiện tại - Hiển thị Khối lượng & 3 mức giá dư mua/dư bán tốt nhất	Giữ nguyên
Phiên khớp lệnh định kỳ	- Hiển thị Giá dự khớp, Khối lượng dự khớp - Hiển thị Khối lượng ở 3 mức giá chờ khớp tốt nhất và Khối lượng mua/bán của lệnh ATO/ATC - Lệnh ATO/ATC hiển thị tại mức giá có ký hiệu "ATO" hoặc "ATC"	- Hiển thị Giá dự khớp, Khối lượng dự khớp - Hiển thị Khối lượng và Giá dư mua/dư bán tốt nhất ước tính sau dự khớp - Lệnh ATO/ATC sẽ hiển thị tại một mức giá xác định như lệnh LO ➢ Là mức giá dư mua tốt nhất của lệnh LO + 1 ticksize đối với lệnh ATO/ATC dư mua ➢ Là mức giá dư bán tốt nhất của lệnh giới hạn - 1 ticksize đối với lệnh ATO/ATC dư bán ➢ Là mức giá khớp dự kiến trong trường hợp không có lệnh LO dư mua/dư bán.

4. Ví dụ hiển thị thông tin - trường hợp chỉ còn dư bán ATO

Cổ phiếu A (giá tham chiếu 39.000) trong phiên khớp lệnh định kỳ mở cửa có sổ lệnh như sau:

Thứ tự lệnh	Loại lệnh	Mua/Bán	Khối lượng đặt	Giá đặt
1	ATO	Mua	100	ATO
2	ATO	Bán	500	ATO

Hiện tại: Lệnh ATO/ATC hiển thị tại mức giá có ký hiệu "ATO" hoặc "ATC"

Bên mua						Dự kiến khớp		Bên bán					
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3
				ATO	100	38.950		ATO	500				

KRX: Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC mua hoặc bán là giá khớp dự kiến. Trường hợp chưa có giá khớp dự kiến, giá hiển thị là giá khớp lệnh gần nhất hoặc giá tham chiếu (trường hợp chưa có giá khớp gần nhất)

Bên mua						Dự kiến khớp		Bên bán					
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3
						38.950	100	38.950	400				

4. Ví dụ hiển thị thông tin - trường hợp còn dư mua của lệnh LO

Cổ phiếu A (giá tham chiếu 39.000) trong phiên khớp lệnh định kỳ mở cửa có sổ lệnh như sau:

Thứ tự lệnh	Loại lệnh	Mua/Bán	Khối lượng đặt	Giá đặt
1	ATO	Mua	300	ATO
2	LO	Mua	500	38.900
3	ATO	Bán	200	ATO

Hiện tại: Lệnh ATO/ATC hiển thị tại mức giá có ký hiệu "ATO" hoặc "ATC"

Bên mua						Dự kiến khớp		Bên bán					
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3
		38.900	500	ATO	300	39.000		ATO	200				

KRX: Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC mua là giá dư mua cao nhất + 1 ticksize

Bên mua						Dự kiến khớp		Bên bán					
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3
		38.900	500	38.950	100	39.000	200						

4. Ví dụ hiển thị thông tin - trường hợp chỉ còn dư bán của lệnh LO

Cổ phiếu A (giá tham chiếu 39.000) trong phiên khớp lệnh định kỳ mở cửa có số lệnh như sau:

Thứ tự lệnh	Loại lệnh	Mua/Bán	Khối lượng đặt	Giá đặt
1	ATO	Mua	200	ATO
2	LO	Bán	500	39.150
3	ATO	Bán	300	ATO

Hiện tại: Lệnh ATO/ATC hiển thị tại mức giá có ký hiệu "ATO" hoặc "ATC"

Bên mua						Dự kiến khớp		Bên bán					
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3
				ATO	200	39.000		ATO	300	39.150	500		

KRX: Giá hiển thị của lệnh ATO/ATC bán là giá dư bán thấp nhất - 1 ticksize

Bên mua						Dự kiến khớp		Bên bán					
Giá 3	KL3	Giá 2	KL2	Giá 1	KL1	Giá	KL	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3
						39.000	200	39.100	100	39.150	500		

5. QUY ĐỊNH HỦY/SỬA LỆNH

	HIỆN TẠI	KRX
HOSE	1. Không có sửa lệnh, chỉ có hủy lệnh & đặt lệnh mới 2. Thứ tự ưu tiên: tính từ khi lệnh mới vào hệ thống 3. Không được phép hủy lệnh đột khớp lệnh định kỳ	1. Cho phép sửa Giá hoặc Khối lượng 2. Thứ tự ưu tiên: ▪ Sửa giá hoặc Sửa tăng khối lượng: tính từ khi lệnh sửa vào hệ thống ▪ Sửa giảm khối lượng: không thay đổi ưu tiên thời gian 3. Không được hủy/sửa lệnh đột khớp lệnh định kỳ (trừ quy định với đợt PCA-HOSE), khớp lệnh sau giờ 4. Được phép Sửa/Hủy lệnh chưa khớp hoặc phần chưa khớp của lệnh (giao dịch khớp lệnh)
HNX	1. Cho phép Sửa đồng thời Giá & Khối lượng 2. Không hủy/sửa với phiên khớp lệnh định kỳ, phiên khớp lệnh sau giờ 3. Được phép Sửa/Hủy lệnh chưa khớp hoặc phần chưa khớp của lệnh (giao dịch khớp lệnh)	

Tại DSE vẫn giữ xử lý hiện tại của hệ thống:

- Tiếp nhận yêu cầu sửa của Khách hàng
- Gửi yêu cầu Hủy lệnh cũ lên Sở
- Gửi yêu cầu Đặt lệnh mới lên Sở

6. QUY ĐỊNH GIAO DỊCH THỎA THUẬN

	HIỆN TẠI	KRX
HOSE HNX	1. Bên BÁN nhập lệnh. Bên MUA xác nhận/từ chối giao dịch 2. Được phép sửa/hủy lệnh chưa khớp và đã khớp 3. Lệnh thỏa thuận chưa khớp được duy trì đến hết giờ (15h00)	1. Cả Bên BÁN và Bên MUA đều đặt được lệnh. Bên còn lại xác nhận/từ chối giao dịch 2. Được phép hủy lệnh chưa khớp. Không được sửa/hủy lệnh đã khớp. 3. Lệnh thỏa thuận chưa khớp khi hết giờ giao dịch trong giờ (14h45) sẽ hết hiệu lực khi chuyển sang phiên sau giờ. Khách hàng có nhu cầu giao dịch, cần liên hệ DVKH giải tỏa lệnh rồi đặt lại lệnh mới.

** DSE chưa phát triển Lệnh quảng cáo*

7. QUY ĐỊNH GIAO DỊCH KHỚP LỆNH SAU GIỜ (14h45-15h00, HNX)

	HIỆN TẠI	KRX
1. Phương thức giao dịch	▪ Khớp lệnh liên tục	▪ 10 phút đầu: Khớp lệnh định kỳ ▪ 05 phút tiếp theo: Khớp lệnh liên tục
2. Loại lệnh	▪ PLO	▪ LO để giá = 0
3. Hủy/sửa lệnh	▪ Không áp dụng	▪ Không áp dụng
4. Khác	▪ Chỉ được đặt lệnh khi trong ngày có giá khớp	▪ Chỉ được đặt lệnh khi trong ngày có giá khớp lệnh

8. GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

	HIỆN TẠI	KRX
Giao dịch khớp lệnh	1. Current Room giảm ngay khi lệnh mua của NĐTNN được khớp 2. Current Room tăng lên sau ngày thanh toán khi có lệnh bán NĐTNN được khớp 3. Lệnh mua hoặc một phần lệnh mua NĐTNN chưa được thực hiện sẽ không được khớp nếu Current Room đã hết. Lệnh mua được nhập tiếp vào hệ thống sẽ không được chấp nhận.	1. Current Room giảm ngay khi lệnh mua NĐTNN được nhập vào hệ thống 2. Current Room tăng lên sau ngày thanh toán khi có lệnh bán NĐTNN được khớp 3. Lệnh mua của NĐTNN sẽ không được chấp nhận nhập vào hệ thống nếu Khối lượng đặt > Current Room 4. Khi NĐTNN sửa lệnh mua: ▪ Sửa giảm khối lượng: Current Room tăng bằng khối lượng giảm của lệnh ngay sau khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống ▪ Sửa tăng khối lượng: Current Room giảm bằng khối lượng tăng của lệnh ngay sau khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống 5. Khi NĐTNN hủy lệnh mua: Current Room tăng bằng khối lượng hủy
Giao dịch thỏa thuận	1. Current Room giảm ngay sau khi giao dịch thỏa thuận của NĐTNN mua với NĐT trong nước bán được thực hiện 2. Current Room tăng ngay sau khi kết thúc thanh toán giao dịch thỏa thuận của NĐTNN bán với NĐT trong nước mua. 3. Current Room không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai NĐTNN.	1. Current Room giảm ngay sau khi giao dịch thỏa thuận mua của NĐTNN với NĐT trong nước được nhập vào hệ thống. 2. Current Room tăng ngay sau khi kết thúc thanh toán giao dịch thỏa thuận của NĐTNN bán với NĐT trong nước mua. 3. Current Room không thay đổi nếu giao dịch thỏa thuận được thực hiện giữa hai NĐTNN. 4. Current Room tăng ngay khi bên bán từ chối lệnh thỏa thuận của NĐTNN mua

9. GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN BỊ HẠN CHẾ GIAO DỊCH

	HIỆN TẠI	KRX
HOSE	Chỉ giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận phiên chiều: 13h00 – 15h00	Chỉ giao dịch khớp lệnh định kỳ nhiều lần PCA, trong đó: - Phiên giao dịch, bao gồm: • Khớp lệnh định kỳ mở cửa: 9h00-9h15 • Các đợt khớp lệnh định kỳ PCA: 15p/đợt từ 9h15-11h30 & 13h00-14h30 • Khớp lệnh định kỳ đóng cửa: 14h30-14h45 - Các loại lệnh áp dụng: • Khớp lệnh định kỳ mở cửa: ATO, LO • Khớp lệnh định kỳ PCA: LO • Khớp lệnh định kỳ đóng cửa: ATC, LO - Không hủy/sửa trong 05 phút cuối mỗi đợt PCA (<i>DSE mặc định không hủy/sửa trong 08 phút cuối mỗi đợt PCA để tránh rủi ro lệch giờ với Sở</i>)
HNX	Chỉ giao dịch vào Thứ 6	- Giữ nguyên chỉ giao dịch vào Thứ 6



PHẦN II:

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

1. THỜI GIAN GIAO DỊCH

08:45	09:00	09:15				11:30			13:00			14:30	14:45	15:00
HNX - Thị trường Chứng khoán phái sinh (DVX)														
						Hiện tại								
KLĐK mở cửa	Khớp lệnh liên tục I					Nghỉ trưa	Khớp lệnh liên tục II					KLĐK đóng cửa		
Thỏa thuận					Thỏa thuận									
						KRX								
KLĐK mở cửa	Khớp lệnh liên tục I					Nghỉ trưa	Khớp lệnh liên tục II					KLĐK đóng cửa		
Thỏa thuận					Thỏa thuận									

2. QUY ĐỊNH LOẠI LỆNH

	HIỆN TẠI	KRX
1. Loại lệnh	LO, ATO/ATC, MOK, MAK, MTL	Giữ nguyên
2. Lệnh ATO, ATC	Lệnh ATO/ATC được ưu tiên trước LO khi phân bổ khớp	Lệnh ATO/ATC được ưu tiên trước lệnh giới hạn trong khi phân bổ lệnh khớp ngoại trừ trường hợp lệnh đặt bán LO giá sàn hoặc lệnh đặt mua LO giá trần được đặt trước lệnh ATO/ATC về thời gian
3. Lệnh MTL	Nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh LO với mức giá đặt lệnh là giá khớp lệnh gần nhất	Nếu không được thực hiện toàn bộ thì phần còn lại của lệnh được chuyển thành lệnh LO với mức giá đặt lệnh là: ▪ giá khớp lệnh gần nhất + 1 bước giá đối với lệnh mua ▪ giá khớp lệnh gần nhất - 1 bước giá đối với lệnh bán

3. QUY ĐỊNH MÃ GIAO DỊCH

HIỆN TẠI	Mã HĐ	Tài sản cơ sở	Loại sản phẩm	Thời gian đáo hạn
	VN30F1912	VN30	F	1912
	GB05F1912	GB05	F	1912

KRX		Loại chứng khoán	Nhóm chứng khoán	Mã tài sản cơ sở	Năm đáo hạn	Tháng đáo hạn	Định danh sản phẩm
		4 – Phái sinh	1 – Futures 2 – Futures Spread	I1 – VN30 B5 – GB05	30 ký tự từ 0-W (trừ I, O, U)	12 ký tự từ 1-C	03 ký tự định danh cụ thể cho sản phẩm phái sinh đặc thù, Spread hoặc Option VD: Futures: 000 Futures Spread: năm & tháng đáo hạn của HĐ leg 2 + S (Spread)
	VN30 Index Futures đáo hạn tháng 3/2020 41I1A3000	4	1	I1	A	3	000
	VN30 Index Futures Spread 1912-2003 42I19CA3S	4	2	I1	9	C	A3S

3. QUY ĐỊNH MÃ GIAO DỊCH – *Lộ trình chuyển giao*

a. Đối với các sản phẩm đang niêm yết:

- Các mã giao dịch đã niêm yết trước thời điểm vận hành hệ thống mới sẽ giữ nguyên. Ví dụ: VN30F2505
- Khi các tháng hợp đồng cũ đáo hạn, tháng hợp đồng mới được sinh ra sẽ theo quy định mã mới.

Ví dụ: **41I1E8000**

b. Đối với sản phẩm mới niêm yết sau thời điểm vận hành hệ thống mới:

- Các sản phẩm mới niêm yết sau thời điểm vận hành hệ thống mới sẽ được sinh mã theo quy định mã giao dịch mới

4. CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

	HIỆN TẠI	KRX
1. Điều kiện giao dịch	COT hàng ngày, VSD đồng bộ toàn bộ tài khoản giao dịch phái sinh sang HNX. Chỉ các tài khoản đã được đồng bộ sang HNX mới được giao dịch	HNX chỉ kiểm tra tài khoản đặt lệnh không thuộc danh sách tài khoản bị cấm giao dịch (do VSD gửi các khung giờ 9h30 & 14h) → Khách hàng có thể giao dịch trong ngày, ngay sau khi hoàn tất mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh
2. Cơ chế quản lý rủi ro	▪ Ký quỹ ban đầu IM ▪ Ký quỹ bổ sung VM: VSD thông báo realtime ▪ Khi tài khoản vi phạm tỷ lệ ký quỹ, VSDC gửi yêu cầu realtime sang HNX chặn giao dịch tài khoản. Khách hàng chỉ có thể nộp bổ sung tiền ký quỹ để unblock tài khoản. Ngay khi tài khoản đảm bảo tỷ lệ, VSDC gửi yêu cầu HNX bỏ chặn giao dịch.	▪ Ký quỹ ban đầu ▪ Ký quỹ yêu cầu: chuyển phương thức ký quỹ sau & thay đổi công thức tính Ký quỹ yêu cầu MR theo mô hình COMS: ○ 16h30 ngày T, VSD gửi Thông báo các tài khoản vi phạm tỷ lệ. Khách hàng được bổ sung ký quỹ đến trước 9h30 ngày T+1. ○ 9h30 ngày T+1, VSD kiểm tra tỷ lệ ký quỹ các tài khoản vi phạm (trong danh sách thông báo 16h30 ngày T). Nếu tỷ lệ chưa đạt, VSD gửi yêu cầu HNX chặn giao dịch tài khoản. Khách hàng chỉ có thể đặt lệnh Close-out để đóng bớt vị thế hoặc nộp bổ sung tiền ký quỹ. ○ 14h00 ngày T+1, VSD kiểm tra tỷ lệ ký quỹ các tài khoản vi phạm (trong danh sách thông báo 16h30 ngày T). Trường hợp tài khoản đã đảm bảo tỷ lệ, VSD gửi yêu cầu HNX gỡ chặn giao dịch (vẫn duy trì nghĩa vụ ký quỹ đã thông báo đến 16h30 ngày T+1).

* Trường hợp trong ngày T+1, Khách hàng đã đóng vị thế, tài khoản không còn bị vi phạm tỷ lệ, nhưng nghĩa vụ ký quỹ đã thông báo ngày T0 vẫn được duy trì đến COT ngày T+1 --> Đến sáng T+2, Khách hàng mới được rút ký quỹ từ VSD.

5. PHÍ, THUẾ

	HIỆN TẠI	KRX
1. Phí giao dịch	- Phí trả Sở: - HĐTL chỉ số: 2.700 đ/HĐ - HĐTL TPCP: 4.500 đ/HĐ - Phí trả VSD: - Phí quản lý vị thế: 2.550 đồng/HĐ - Phí quản lý tài sản ký quỹ: 0,0024% giá trị lũy kế số dư tài sản ký quỹ/tài khoản/tháng. Tối thiểu 100.000 đồng/tài khoản/tháng. Tối đa 1.600.000 đồng/tài khoản/tháng - Phí trả DSE: (xem biểu phí hiện tại)	- Phí trả Sở: giữ nguyên - Phí trả VSD: - Phí bù trừ vị thế*: 2.550 đồng/HĐ - Phí quản lý tài sản ký quỹ: giữ nguyên - Phí trả DSE: giữ nguyên
2. Thuế TNCN	Thuế TNCN = 0.1% x Giá chuyển nhượng từng lần Trong đó: Giá chuyển nhượng từng lần = (Giá thanh toán HĐTL x Hệ số nhân HĐ x Số lượng hợp đồng x Tỷ lệ ký quỹ ban đầu)/2 Tỷ lệ ký quỹ ban đầu: 17% Hệ số nhân: 100.000	Giữ nguyên



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Pax Sky, 63-65 Ngô Thì Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội

024 710 89234 – www.dnse.com.vn